

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2019/HS-ST

Ngày: 09/4/2019

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Đạt

2/ Bà Trần Thanh Đạm

**- Thư ký phiên tòa:** ông Hứa Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Hoàng Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang đối với các bị cáo:

1./ Họ và tên: **Trần Thanh T** (tự là **C**) sinh năm 1979.

Nơi sinh: Huyện T, Thành Phố C.

Chỗ ở hiện nay: Khóm M, phường M, Thành phố L tỉnh A; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần Văn N sinh năm 1947 và bà Trần Thị N sinh năm 1950.

Anh chị em ruột gồm 07 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1983;

Vợ: Huỳnh Thị R sinh năm 1986.

Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Ngày 15/9/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2./ Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Đ** (tự là **Đ**) sinh năm: 1990

Nơi sinh: TP L tỉnh A.

Chỗ ở hiện nay: Khóm Đ, phường M, Thành phố L tỉnh A; Nghề nghiệp: Không;  
Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Ngọc L sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thanh H sinh năm 1966.

Anh chị em ruột gồm 02 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994;

Vợ: Chưa có.

\* Tiền án, tiền sự: Có 02 tiền án:

- Ngày 10/11/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh A xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 17/8/2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố L tỉnh A xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Tạm giữ, tạm giam: Ngày 16/9/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ **Người bị hại:**

1./ Ông **Nguyễn Văn S** sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu Phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

2./ Ông **Mai Đình T** sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu Phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1./ Ông **Nguyễn Thành L** sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 02 xã V , huyện V tỉnh H.

2./ Ông Nguyễn Thành S sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9 ấp T xã Đ, huyện T tỉnh K.

3./ Ông Phạm Đồng T sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3 ấp T, xã T huyện T tỉnh K .

4./ Bà Trần Thị Thanh H sinh năm 1966 (mẹ của Đ) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Đ, Phường M, TP. L tỉnh A .

5./ Bà Trần Thị N sinh năm 1950 (mẹ của T) (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường M, TP. L tỉnh A ;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Đ là anh em bạn con dì ruột (T là anh, Đ là em) cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Lần 1: Vào khoảng 09h ngày 06/9/2018 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S1-365.41 đến nhà trọ N thuộc ấp H xã M huyện H tỉnh K gặp Nguyễn Ngọc Đ (nơi Đ đang thuê trọ) để rủ Đ đi trộm bò và được Đ đồng ý.

T điều khiển xe chở Đ lưu thông trên quốc lộ 80 theo hướng Rạch Giá – Hà Tiên. Trên đường đi ghé vào đồ xăng thì T phát hiện có xe ô tô tải chở thuê (không xác định được biển số xe và tên người điều khiển) nên T thuê với giá 1.200.000đ để đi theo T chở thuê từ Hà Tiên về Rạch Giá và được tài xế xe tải đồng ý.

Khoảng 13h cùng ngày đến địa bàn huyện K, T điều khiển xe mô tô đến khu vực phía sau Trung tâm thương mại B thuộc khu phố K, thị trấn K huyện K tỉnh K phát hiện bò của anh Nguyễn Văn S đang nuôi không có người trông giữ, cả hai cùng đồng ý thực hiện tội phạm nhưng do bò đang ở gần trường mầm non H có đông người qua lại dễ bị phát hiện nên cả hai tìm quán cà phê ngồi uống nước đợi đến tối sẽ trộm cắp. Đến khoảng 17h cùng ngày cả hai quay lại chỗ thả bò, Đ ngồi canh đường gần đó còn T trực tiếp dắt bò, Tuấn dắt được 02 con (01 con khoảng 5 năm tuổi, một con khoảng 01 năm tuổi) đi được khoảng 100m, T kêu Đ canh giữ bò, còn T đi tìm xe tải để chở bò (xe T và Đ đã thuê vào buổi sáng), khi xe đến T và Đ dẫn bò lên xe, sau đó Đ đi trên xe tải còn T điều khiển xe mô tô lưu thông theo sau về thành phố R cất giấu và trả tiền công cho tài xế xe tải chở thuê với số tiền 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) vì quãng đường vận chuyển từ Kiên Lương về Rạch Giá gần hơn Hà Tiên về Rạch Giá. Đến ngày 08/9/2018 bán cho Nguyễn Thành S 01 con bò 05 tuổi với giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), bán cho Phạm Đồng T 01 con bò 01 năm tuổi được 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). T chia cho Đ 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) tiêu xài cá nhân.

Lần 2: Với hành vi tương tự vào khoảng 09h ngày 12/9/2018 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S1-365.41 chở Đ đến khu dân cư thuộc tổ 02 khu phố C, thị trấn K huyện K tỉnh K thì phát hiện bò của anh Mai Đình T đang nuôi không có người trông giữ, T và Đ lấy trộm 04 con bò (02 con khoảng 13 năm tuổi, 01 con khoảng 06 tháng tuổi, 01 con khoảng 10 ngày tuổi) sau đó thuê xe ô tô tải (không xác định được biển số xe và tên người điều khiển) chở về thành phố Rạch Giá cất giấu. Đến ngày 15/9/2018 T đang thỏa thuận bán cho Nguyễn Thành L thì bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra các bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho bên bị hại Nguyễn Văn S với số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) (BL 163).

**\* Vật chứng thu được:**

- 04 (bốn) con bò còn sống (đã trao trả lại cho chủ sở hữu Mai Đình T).
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BuTan, đã thay dàn áo Wave màu xanh, biển kiểm soát 68S1- 365.41 đã qua sử dụng (của T).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 108 màu đỏ đen đã qua sử dụng (của T).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đã qua sử dụng (của Đ).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia105, màu đen đã qua sử dụng (của Đ).

Theo bản kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL-HĐĐGTS ngày 08/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kiên Lương kết luận.

- 02 (hai) con bò 13 năm tuổi có giá trị 37.600.000đ.
- 01 (một) con bò 06 tháng tuổi có giá trị 3.000.000đ.
- 01 (một) con bò 10 ngày tuổi có giá trị 860.000đ.
- 01 (một) con bò 05 năm tuổi có giá trị 14.000.000đ.
- 01 (một) con bò 01 năm tuổi có giá trị 8.000.000đ.
- Tổng giá trị tài sản là 63.460.000đ (BL51).

Bị hại Nguyễn Văn S trình bày: Vào lúc 9h tối ngày 06/9/2018 anh ra trông coi bò thì phát hiện bị mất hai con bò trong tổng số 10 con bò lớn nhỏ mà anh nuôi thả, trong đó 01 con bò đực khoảng 01 năm tuổi và 01 con bò cái khoảng 5 năm tuổi, giá trị hai con bò khoảng 30.000.000đ, nay bên gia đình của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh số tiền 33.000.000đ thì anh không có ý kiến gì.

Bị hại Mai Đình T trình bày: Vào khoảng 11h ngày 12/9/2018 anh ra trông coi bò thì phát hiện bị mất 04 con bò gồm 02 (hai) con bò 13 năm tuổi, 01 (một) con bò 06 tháng tuổi và 01 (một) con bò 10 ngày tuổi. Số bò bị mất anh đã nhận lại nay anh không có yêu cầu gì.

Đối với ông Nguyễn Thành S, Phạm Đông T và Nguyễn Thành L là người mua bò do không biết số bò T bán là do trộm cắp mà có nên không xử lý hình sự. Đối với xe ô tô tải chưa xác định được chủ phương tiện và người chở thuê nên chưa xử lý.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 11/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện Kiểm Sát giữ nguyên quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điều 38, điểm b, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ Luật Hình Sự để xử phạt bị cáo Trần Thanh T với mức án đề nghị từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điều 38, điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự và điểm g khoản 1 điều 52 để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ với mức án đề nghị từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn S đã thỏa thuận với gia đình bị hại và nhận lại số tiền bồi thường, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại và người liên quan không có yêu cầu xem xét gì đến việc thỏa thuận tự nguyện bồi thường trên nên hội đồng xét xử miễn xét.

Bị hại Mai Đình T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử miễn xét.

Về tang vật: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định.

Ý kiến của những người bị hại. Bị hại S nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì thấy rằng các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và đã bồi thường xong.

Bị hại T thống nhất tội danh nhưng không nhất trí mức án đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát vì cho rằng bị cáo T là người chủ mưu, cầm đầu, phạm tội chuyên nghiệp nên cần đề nghị phải xử phạt bị cáo T nặng hơn bị cáo Đ, đồng thời đề nghị xét xử nặng đối với các bị cáo để răn đe phòng ngừa chung, về bồi thường thì anh đã nhận lại tài sản, nay không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng là đã biết ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo mức án nhẹ để về sớm hòa nhập với cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiên Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Đ khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 06/9/2018 Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện hành vi lén lút trộm 02 con bò (01 con khoảng 5 năm tuổi và 01 con khoảng 01 năm tuổi) của anh Nguyễn Văn S đang nuôi tại khu phố K, thị trấn K huyện K tỉnh K đem về thành phố R bán cho Nguyễn Thành S 01 con bò 05 tuổi được 12.000.000đ, bán cho Phạm Đồng T 01 con bò 01 năm tuổi được 7.000.000đ, Tuấn chia cho Nguyễn Ngọc Đ 8.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 2: Vào ngày 12/9/2018 Trần Thanh T và Nguyễn Ngọc Đ đã lén lút lấy trộm 4 con bò (02 con khoảng 13 năm tuổi, 01 con khoảng 6 tháng tuổi, 01 con khoảng 10 ngày tuổi) của anh Mai Đình T nuôi tại tổ 2 khu phố C, thị trấn K huyện K đem về thành phố R tìm nơi tiêu thụ, đến ngày 15/9/2018 T đang thỏa thuận bán bò cho anh Nguyễn Thành L thì bị bắt quả tang.

Theo kết luận định giá thì 06 con bò trên có tổng trị giá là 63.460.000đ (sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì xem thường pháp luật, lười lao

động, muốn lấy tài sản của người khác mà không phải do công sức của mình tạo ra vì vậy các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản không có người trông coi, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T và anh S gây mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho người dân không yên tâm lao động sản xuất.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã có 2 tiền án chưa được xóa án mà tiếp tục phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng đối với Đ là tái phạm nguy hiểm.

Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc đối áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian, ngoài việc trừng trị và cải tạo đối với bị cáo còn nhằm mục đích răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho chủ sở hữu, đối với bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo được bị hại S xin giảm nhẹ hình phạt, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ Luật Hình Sự và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng đối với các bị cáo để giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào về mức hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng đủ răn đe phòng ngừa.

Xét quan điểm của bị hại T cho rằng bị cáo T là kẻ chủ mưu cầm đầu, phạm tội chuyên nghiệp nên đề nghị xử phạt bị cáo T nặng hơn bị cáo Đ là không có cơ sở bởi vì các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm đơn giản chứ không phải phạm tội có tổ chức, không phải thuộc trường hợp phạm tội chuyên nghiệp, bị cáo Đ có nhân thân xấu (có 2 tiền án chưa được xóa án tích) có nhiều tình tiết định khung tăng nặng hơn bị cáo T nên phải bị xử phạt nặng hơn bị cáo T.

Xét đề nghị và quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm Sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, đồng thời không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Các bị cáo và bà Trần Thị Thanh H và Trần Thị N không yêu cầu xem xét lại số tiền đã khắc phục cho bị hại S với số tiền 33.000.000đ nên Hội Đồng Xét Xử miễn xét.

[5] Về tang vật: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BuTan đã thay dàn áo Wave màu xanh, biển kiểm soát 68S1- 365.41 đã qua sử dụng mà T mua của một người tên Nở gần cầu T thuộc xã M huyện H tỉnh K chưa sang tên và T đã làm mất giấy tờ (BL124), qua xác minh tại địa phương thì không có người tên N. Qua phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 07/12/2018 (BL 162) của Công an huyện Kiên Lương thì xe biển số 68S1-365.41 do Trương Quốc D có địa chỉ tại 111.Đ.Phước, T, huyện T đứng tên chủ xe có số máy RMEQH1P50FMG4002762, số Khung RMEDCGEME6A002762, tuy nhiên qua xác minh thì không có D ở địa chỉ trên (BL156). Do chiếc xe là tang vật liên quan đến việc phạm tội, Tuấn đã mua sử dụng không có ai tranh chấp nên tịch thu sung quỹ nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 108 màu đỏ đen đã qua sử dụng (của T).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đã qua sử dụng (của Đ).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia105, màu đen đã qua sử dụng (của Đ).

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

***Vì các lý trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** và **Trần Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c, g khoản 02 Điều 173; điều 38; điểm b, s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ Luật Hình Sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** (tự là **Đ**) 3 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/9/2018.

- Căn cứ vào điểm c khoản 02 Điều 173; điều 38; điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 51 Bộ Luật Hình Sự, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ Luật Hình Sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

-Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh T (tự là C)** 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2018.

\* *Về trách nhiệm dân sự*: Do người bị hại đã nhận lại tài sản, các bên đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong và không ai có yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xem xét.

\* *Về tang vật*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BuTan đã thay dàn áo Wave màu xanh, biển kiểm soát 68S1- 365.41 đã qua sử dụng có số máy RMEQH1P50FMG4002762, số Khung RMEDCGEME6A002762.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 108 màu đỏ đen đã qua sử dụng (của T).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đã qua sử dụng (của Đ).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia105, màu đen đã qua sử dụng (của Đ).

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

\* Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2019). Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại*

*các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân :**

- TAND tænh Kiên Giang;
- VKSND tænh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lồông;
- Thị Hænh Àùn DS h.Kiên Lồông;
- Nhồõng ngồõøi TGT;
- Lồu tæp àùn, hoà sô;
- Lồu VP./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thaảm phaùn – Chuû toại phieân toạ**

**Trần Đình Đăng**